

ENGLISH 8 - UNIT 5. STUDY HABITS**Thói quen học tập****Listen and write down the words**

		(n): phiếu báo kết quả học tập
		(v): gạch chân
		(a.): xuất sắc
		(v): làm nổi bật
		(a): tự hào về
		(n): ôn tập, xem lại
		(v): cải thiện, nâng cao
		(a): cần thiết
		(n): tiếng, người Tây Ban Nha
		(n): cách phát âm
		(V): phát âm
		(v): nhận ra, tìm ra
		(n): từ điển
		(n): phần đầu
		cố gắng hết sức
		(v): cư xử, đối xử
		Tết âm lịch
		(v): hứa
		(n): đau họng
		(n): sự tham gia
		(n): sự hợp tác
		(v): sửa chữa
		(a): thỏa mãn, hài lòng
		(n): chữ ký
		(v): thông báo
		(n): tiếng mẹ đẻ
		(n): một mảnh giấy